

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 20/4/2021.  
“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***\*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lương Thị Ngọc Hà.

***\*Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Phạm Công Chấn.

Ông Vũ Ngọc Côn.

***\* Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Trang, án bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

***\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:***

Ông Đào Duy Đông- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 11/2021/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 Về việc “ Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/ QĐXX - ST ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Anh Từ Như H - Sinh năm 1984 ( Có mặt).

\* Bị đơn: Chị Tô Thị T - Sinh năm 1986 ( Có mặt).

Đều trú tại: Thôn P, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/07/2020, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Từ Như H trình bày:***

Anh và chị Tô Thị T kết hôn với nhau từ ngày 09/4/2003. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn P, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng trầm trọng từ tháng 3 năm 2020 (Dương lịch), nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tôi bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên dù sống chung nhà nhưng vợ chồng anh sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2020 (Dương lịch) đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tô Thị T.

\* Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có 3 con chung là Từ Như C, sinh ngày 08/3/2004; Từ Như Kim A, sinh ngày 04/01/2006 và Từ Như Q, sinh ngày 01/10/2015. Hiện ba con chung đang ở cùng vợ chồng anh chị. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

\* Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Hải xác định vợ chồng có tài sản chung, có liên quan vay nợ chung nhưng anh đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

**\* *Tại Bản tự khai ngày 24/ 02/2021, những lời khai tiếp theo bị đơn chị Tô Thị T trình bày:***

Chị và anh Từ Như H kết hôn với nhau từ ngày 09/4/2003. Trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn Phi Lễ, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng trầm trọng từ tháng 3 năm 2020 (Dương lịch), nguyên nhân do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác, chị có khuyên bảo nhưng anh không nghe mà còn thường xuyên đánh đập, chửi bới chị. Vì vậy dù sống chung nhà nhưng vợ chồng chị sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2020 (Dương lịch) đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã

căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhưng do anh chị chưa thỏa thuận được về phân tài sản, công nợ chung nên chị chưa đồng ý yêu cầu ly hôn của anh H.

\* Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 3 con chung là Từ Như C, sinh ngày 08/3/2004; Từ Như Kim A, sinh ngày 04/01/2006 và Từ Như Q, sinh ngày 01/10/2015. Hiện ba con chung đang ở cùng vợ chồng chị. Sau này con có nguyện vọng ở cùng với bố hay mẹ là tùy ở các con.

\* Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T xác định chị và anh Từ Như H có tài sản chung gồm: 04 thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 03 ngôi nhà cấp 4 được xây trên đất, trên đất còn trồng các cây lâm lộc. Chị và anh H có liên quan vay nợ chung nhưng chị đề nghị vợ chồng chị được tự thỏa thuận về tài sản chung, công nợ chung nên chưa đề nghị Tòa án giải quyết. Nếu vợ chồng chị không tự thỏa thuận được về tài sản chung, công nợ chung thì tôi sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

\* Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/01/2021 cháu Từ Như C là con chung của chị T, anh H trình bày: nếu bố mẹ không chung sống cùng nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được ở với bố H.

\* Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/01/2021 cháu Từ Như Kim A là con chung của chị T, anh H trình bày: Nếu bố mẹ không chung sống cùng nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được ở với bố H.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227; Điều 28; Điều 35; khoản 4 điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 3; 6; 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Từ Như H được ly hôn với chị Tô Thị T.
- Về quan hệ con chung: Áp dụng Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cho anh Từ Như H nuôi dưỡng hai con chung là Từ Như C, sinh ngày 08/3/2004 và Từ Như Kim A, sinh ngày 04/01/2006 . Giao cho chị Tô Thị T nuôi dưỡng con chung là Từ Như Q, sinh ngày 01/10/2015. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.
- Về tài sản và công nợ chung: Không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Anh Từ Như H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T là hợp pháp. Quá trình chung sống: Anh H xác định vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng trầm trọng từ tháng 3 năm 2020 (Dương lịch), nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tôi bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên dù sống chung nhà nhưng vợ chồng anh sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2020 (Dương lịch) đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị Tô Thị T.

Chị T cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác, chị có khuyên bảo nhưng anh không nghe mà còn thường xuyên đánh đập, chửi bới chị. Vì vậy dù sống chung nhà nhưng vợ chồng chị sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2020 (Dương lịch) đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhưng vì các con nên chị không đồng ý yêu cầu ly hôn của anh H.

Vì vậy Tòa án đã tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa anh Hải và chị Thu, nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay anh H và chị T cùng xác định vợ chồng có mâu thuẫn nên thường xảy ra tranh cãi và dù sống chung nhà nhưng hai anh chị sống ly thân nhau từ tháng 3/2020 (Dương lịch) đến nay không ai quan tâm đến ai. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh không thể chung sống cùng chị Thu được nữa nên anh vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn với chị T. Xét anh H và chị T mâu thuẫn đã căng thẳng trầm trọng, không thể hòa giải được nữa. Anh H xin ly hôn, chị T xác định do con chung còn nhỏ nên chị chưa đồng ý yêu cầu ly hôn của anh H, nhưng anh H vẫn nhất mực xin ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã căng thẳng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H xin ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cần cho anh Từ Như H được ly hôn với chị Tô Thị T.

[3]. Về con chung: Anh Từ Như H và chị Tô Thị T có 03 con chung là cháu là Từ Như C, sinh ngày 08/3/2004; Từ Như Kim A, sinh ngày 04/01/2006 và Từ Như Q, sinh ngày 01/10/2015. Cháu Từ Như C và cháu Từ Như Kim A đã lớn trên 7 tuổi, nên việc giao cháu C và cháu A cho chị T hay anh H nuôi dưỡng cũng cần xem xét theo nguyện vọng của cháu C, cháu A cũng như ý kiến của chị T, anh H. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của các bên cũng như quyền lợi của con chung cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh H, chị T giao cháu Từ Như C và Từ Như Kim A cho anh Từ Như H nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Cháu Từ Như Q, hiện còn nhỏ nên cần sự chăm sóc, giáo dục của chị Tô Thị T nên để chị Thu nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con anh H, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Từ Như H và chị Tô Thị T đều xác định vợ chồng có tài sản chung, có liên quan vay nợ chung nhưng vợ chồng chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Từ Như H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227; Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 3;6; 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Từ Như H.

- Về quan hệ tình cảm: Cho anh Từ Như H được ly hôn với chị Tô Thị T.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Từ Như C, sinh ngày 08/3/2004; Từ Như Kim A, sinh ngày 04/01/2006 cho anh Từ Như H trông nom, giáo dục nuôi dưỡng. Giao cháu Từ Như Q, sinh ngày 01/10/2015 cho chị Tô Thị T trông nom, giáo dục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh H, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Từ Như H phải chịu 300.000 đồng ( Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0001788 ngày 19/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Khoản tiền này được chuyển thành án phí, anh H không phải nộp án phí nữa.

Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện lục ngạn;
- Đương sự;
- UBND xã Q;
- L- u hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Ngọc Hà**